

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/DS-ST
Ngày: 27/9/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Ngọc Điệp.

Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2021/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim L, sinh năm 1979; địa chỉ: số 16 đường ĐX 44, tổ 23, khu 5, phường P, thành phố T, tỉnh B, vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trần Văn R, sinh năm 1978; HKTT: ấp P, xã T, huyện T1, tỉnh P; tạm trú: số 16 đường ĐX 44, tổ 23, khu 5, phường M, thành phố T, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 02 năm 2021, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Phan Thị Kim L trình bày:

Về hôn nhân: Bà L và ông R tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh B (Giấy chứng nhận kết hôn số 03/2002 ngày 11/01/2002). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, ông R là người nghiện rượu thường xuyên đập phá đồ đạc, chửi bới,

xúc phạm bà L và gia đình, sống vô trách nhiệm, không chăm sóc các con và gia đình. Ông R thường xuyên gây rối trật tự, làm mất lòng hàng xóm và bị chính quyền địa phương phạt hành chính nhiều lần vì hát karaoke gây rối trật tự công cộng. Dù gia đình đã nhiều lần khuyên răn ông R không thay đổi nên tình cảm vợ chồng không còn. Bà L và ông R đã sống ly thân được khoảng 01 năm. Vì vậy, nay bà L yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Văn R.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 (hai) con chung tên là Trần Yến N, sinh ngày 29/12/2002 và Trần Khánh M sinh ngày 22/02/2006. Bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Khánh M. Đối với Trần Yến N đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông R cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2021 và biên bản hòa giải, bị đơn ông Trần Văn R trình bày:

Về hôn nhân: Ông R và bà L tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh B. Quá trình chung sống ông R thừa nhận giữa bà L và ông R có mâu thuẫn do ông R hay uống rượu nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khi mâu thuẫn ông R có chửi bà L và đập phá đồ đạc trong gia đình. Việc bà L cho rằng ông R hát karaoke bị chính quyền địa phương xử lý là không đúng mà ông R bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L, ông R không đồng ý vì việc ly hôn sẽ làm ảnh hưởng đến các con. Hiện nay, ông R và bà L đã sống ly thân.

Về con chung: Ông R và bà L có 02 con chung là Trần Yến N, sinh ngày 29/12/2002 và Trần Khánh M, sinh ngày 22/02/2006. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, con có nguyện vọng theo ai thì người đó sẽ nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với ý kiến của bà L, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn R được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Ông Rưa không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà L khởi kiện ông R về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Ông Trần Văn R hiện đang cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh B theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phan Thị Kim L vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Văn R được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông R theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân của bà L và ông R là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà L trình bày cuộc sống chung với ông R thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông R thường xuyên uống rượu, đập phá đồ đạc, chửi bới xúc phạm bà L. Quá trình sinh sống ở địa phương thì không chấp hành pháp luật, thường xuyên gây rối. Ông R thừa nhận có việc thường xuyên uống rượu, đập phá đồ đạc dẫn đến mâu thuẫn gia đình và hành vi đánh bạc bị xử phạt vi phạm hành chính (bút lục số 43). Hiện nay, bà L và ông R đã sống ly thân nhưng không đồng ý ly hôn. Xét thấy, lời thừa nhận của ông R về mâu thuẫn với bà L là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình chung sống, ông R với vai trò là người chồng, người cha trong gia đình nhưng lại thường xuyên uống rượu, không phụ giúp vợ con và không làm gương cho các con về việc chấp hành pháp luật dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Lyêu cầu nuôi dưỡng cháu Trần Khánh M, sinh ngày 22/02/2006. Ông R trình bày con theo ai thì người đó sẽ nuôi. Tại bản tự khai ngày 14/4/2021 cháu M có nguyện vọng được sinh sống với bà L (bút lục số 30). Hiện nay, cháu M đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ mọi mặt về quyền, lợi ích hợp pháp cũng như tôn trọng nguyện vọng của cháu nên Hội đồng xét xử sẽ giao cháu M cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đối với Trần Yên N đã thành niên nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L, ông R thống nhất không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim L đối với ông Trần Văn R về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: Bà Phan Thị Kim L được ly hôn với ông Trần Văn R.

- Về con chung: Giao con chung là Trần Khánh M, sinh ngày 22/02/2006 cho Phan Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi hợp pháp của con. Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông R không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2016/0051235 ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh B.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- Ủy ban nhân dân phường P;
- Đường sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ái Ngân